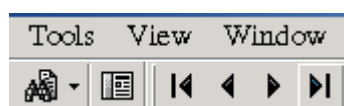


## MỘT SỐ THAO TÁC CƠ BẢN ĐỌC TOÀN VĂN KQNC

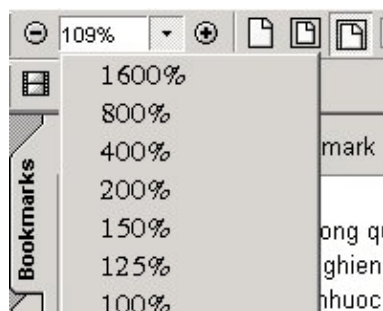


*☞ Sử dụng mục lục đọc nhanh bên phải màn hình để đọc ngay Chương, Mục phù hợp (nháy chuột vào tên Chương, Mục muốn đọc)*

*☞ Sử dụng các phím PageUp, PageDown, Enter, phím mũi tên trên bàn phím hoặc các biểu tượng mũi tên trên thanh công cụ để lật trang:*



*☞ Sử dụng các biểu tượng trên thanh công cụ (hoặc chọn tỷ lệ hiện hình trang tài liệu trong hộp công cụ) dưới đây để phóng to/thu nhỏ trang tài liệu:*



1613.1  
/3

1994 : **QUANG TRÌNH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ CẤP NHÀ NƯỚC KX-03 :  
ĐỔI MỚI VÀ HOÀN THIỆN CÁC CHÍNH SÁCH KINH TẾ  
VÀ CƠ CHẾ QUẢN LÝ KINH TẾ**

---

**BÁO CÁO NGHIÊN CỨU  
ĐỀ TÀI KX-03-12**

**LUẬN CỨ KHOA HỌC CỦA VIỆC TIẾP TỤC ĐỔI MỚI  
VÀ HOÀN THIỆN CÁC CHÍNH SÁCH  
VÀ CƠ CHẾ QUẢN LÝ KINH TẾ ĐỐI NGOẠI**

**Hà Nội 10-1994**

QUANG TRÌNH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ CẤP NHÀ NƯỚC  
ĐỀ TÀI KX-03-12  
1613.1-3  
QUANG TRÌNH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ CẤP NHÀ NƯỚC

**CHƯƠNG TRÌNH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ KX-03 :  
ĐỔI MỚI VÀ HOÀN THIỆN CÁC CHÍNH SÁCH KINH TẾ  
VÀ CƠ CHẾ QUẢN LÝ KINH TẾ**

---

**LUẬN CỨ KHOA HỌC CỦA VIỆC TIẾP TỤC ĐỔI MỚI  
VÀ HOÀN THIỆN CÁC CHÍNH SÁCH  
VÀ CƠ CHẾ QUẢN LÝ KINH TẾ ĐỐI NGOẠI**

**ĐỀ TÀI MÃ SỐ KX-03-12**

*Cơ quan chủ trì đề tài :* Viện Kinh Tế Đối Ngoại  
Bộ Thương Mại  
*Chủ nhiệm đề tài :* PGS LƯU VĂN ĐẠT

**Hà Nội - 1994**

## LỜI NÓI ĐẦU

Kinh tế đối ngoại có vị trí then chốt trong nền kinh tế quốc dân và có vai trò khá quyết định đối với việc thực hiện các mục tiêu trong Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000 của nước ta.

Phát triển kinh tế đối ngoại đúng hướng sẽ có tác dụng to lớn thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước theo hướng cơ cấu lại nền kinh tế quốc dân đạt tới sự tăng trưởng cao và bền vững, làm cho dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

Công cuộc đổi mới đất nước đòi hỏi phải cấp bách đổi mới, hoàn thiện các chính sách cũng như cơ chế quản lý kinh tế nói chung, trong đó có kinh tế đối ngoại nói riêng.

Kinh tế đối ngoại bao gồm nhiều lĩnh vực hoạt động khác nhau như ngoại thương, hợp tác và đầu tư nước ngoài, viện trợ phát triển (ODA), du lịch quốc tế và các dịch vụ khác v.v... Các hoạt động phong phú và đa dạng của kinh tế đối ngoại mang những sắc thái riêng và có những nét đặc thù so với các lĩnh vực hoạt động khác trong nền kinh tế.

Vì vậy, việc đổi mới, hoàn thiện các chính sách và cơ chế quản lý kinh tế đối ngoại đòi hỏi phải có sự tìm tòi cả về nội dung và hình thức phù hợp với đặc điểm của lĩnh vực này, đồng thời thích ứng với điều kiện của đất nước đang phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước, theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Cần phải nhấn mạnh rằng Đảng và Nhà nước ta đã thường xuyên có các Nghị quyết, Quyết định chỉ đạo công tác quản lý kinh tế đối ngoại.

Dù vậy, đổi mới các chính sách và cơ chế quản lý kinh tế đối ngoại ở nước ta vẫn là một công việc mới mẻ, phức tạp và có nhiều khó khăn, kinh nghiệm tích lũy của ta thì còn rất hạn chế. Chúng ta cũng chưa có được một hình mẫu nào đáng tin cậy để có thể đưa vào áp dụng. Phép biện chứng của sự vật đòi hỏi sự tìm tòi sáng tạo, không câu nệ vào cái đã có.

Công cuộc đổi mới này thực sự không có mô hình để sao chép, nó đòi hỏi các nhà khoa học cũng như quản lý và các nhà hoạt động thực tiễn phải tập trung trí tuệ nghiên cứu, tìm tòi bằng phương pháp khoa học giải quyết những vấn đề thuộc lĩnh vực kinh tế đối ngoại của nước ta hôm nay và cả ngày mai.

Chương trình khoa học - công nghệ cấp Nhà nước về đổi mới các chính sách và cơ chế quản lý kinh tế (mã số KX.03) đã nêu lên những yêu cầu cụ thể cho việc nghiên cứu đổi mới, hoàn thiện các chính sách và cơ chế quản lý kinh tế đối ngoại. trong khuôn khổ một đề tài khoa học (mã số KX.03.12) thực hiện trong thời gian 2 năm. Luận cứ khoa học cho việc đổi mới, hoàn thiện các chính sách và cơ chế quản lý là cái đích mà đề tài cần đạt đến. Đây chính là những vấn đề tập trung nhất trong việc xác lập một hệ thống tương đối đầy đủ các quan điểm chỉ đạo thực hiện. Có quan điểm rõ ràng và nhất quán sẽ khắc phục tốt hơn tính chắp vá và tản mạn lâu nay, nâng cao tính hiệu quả của việc hoạch định các chính sách và cơ chế quản lý kinh tế đối ngoại.

Trong các chính sách và cơ chế cũ, một nguyên tắc có tính chất bao trùm và chi phối hết thảy là "Nhà nước độc quyền ngoại thương và mọi hoạt động kinh tế đối ngoại". Sự độc quyền như vậy là một trong những nguyên nhân làm trì trệ và cản trở sự phát triển của nền kinh tế nói chung và kinh tế đối ngoại nước ta nói riêng trong mấy thập kỷ. Dấu ấn của chính sách và cơ chế đó đến nay vẫn còn khá rõ, ta phải cố gắng đổi mới tư duy về quản lý và tiếp tục tìm cách tháo gỡ sự cản trở này.

Để thực hiện mục tiêu tổng quát như đã nêu trên, nội dung nghiên cứu của đề tài này phải góp phần làm rõ thêm khái niệm về kinh tế đối ngoại, mong đạt tới sự thống nhất về lĩnh vực hoạt động này. Nhận thức thống nhất sẽ là điều kiện quan trọng bảo đảm tính đồng bộ và nhất quán trong hoạch định các chính sách và cơ chế quản lý. Đáng tiếc là qua hoạt động thực tiễn có thể nhận ra rằng chúng ta chưa có được nhận thức thống nhất.

Đề tài cũng sẽ đề cập đến một số vấn đề lý luận tác động đến đổi mới các chính sách và cơ chế, nêu lên những dự báo về xu hướng phát triển của tình hình thế giới và quan hệ quốc tế. Một trong những nội dung quan trọng mà đề tài phải thực hiện là phân tích và đánh giá thực trạng các chính sách và cơ chế quản lý kinh tế đối ngoại từ năm 1987 lại đây là thời kỳ nền kinh tế nước ta bước nhanh và

vững chắc trên con đường Đổi mới. Tham khảo, đối chiếu, so sánh kinh nghiệm của các nước trên thế giới đã thành công nhiều hay ít, thậm chí chưa thành công trong sự nghiệp cải cách kinh tế hay công nghiệp hoá đất nước của họ cũng là việc làm cần thiết. Hơn bất cứ lĩnh vực nào khác, chính ở đây phải tập trung xem xét, phân tích các nhân tố bên trong và bên ngoài trong mối quan hệ tương tác hữu cơ của chúng.

Kết thúc quá trình nghiên cứu, đề tài cần đưa ra được những kiến nghị về phương hướng và nội dung tiếp tục đổi mới, hoàn thiện các chính sách và cơ chế quản lý kinh tế đối ngoại trong giai đoạn hiện tại cũng như những năm sắp đến.

Công trình nghiên cứu này được một tập thể nhiều nhà khoa học và hoạt động thực tiễn tham gia thực hiện. Đó là những cán bộ chủ chốt hoạt động lâu năm trong lĩnh vực kinh tế đối ngoại, trên cả phương diện nghiên cứu, quản lý và đào tạo cán bộ chuyên ngành. Đề tài này cũng là sự tiếp nối, kế thừa và phát triển những vấn đề, những kết quả của một số công trình khoa học đã được thực hiện ở Viện Kinh tế đối ngoại và một số cơ quan khác. Trong quá trình nghiên cứu có tham khảo nhiều tài liệu của nước ngoài và của các tổ chức quốc tế có uy tín.

Các tài liệu, số liệu sử dụng và trích dẫn trong công trình nghiên cứu được chọn lọc từ những nguồn có độ tin cậy tương đối cao.

Sản phẩm khoa học chính của công trình nghiên cứu gồm có :

1. Báo cáo tổng hợp công trình.
2. Báo cáo tóm tắt công trình.
3. Bản kiến nghị về phương hướng và nội dung đổi mới, hoàn thiện các chính sách và cơ chế quản lý kinh tế đối ngoại.

### **BAN CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI KX.03.12 :**

- PGS Lưu Văn Đạt, Cố vấn Bộ trưởng, nguyên Viện trưởng Viện Kinh tế đối ngoại, Chủ nhiệm Đề tài.
- PGS, PTS Lê Nhật Thức, Viện trưởng Viện Kinh tế Đối ngoại, Phó Chủ nhiệm Đề tài.
- PGS, TS Dương Văn Long, Phó Viện trưởng Viện Kinh tế Đối ngoại, Phó Chủ nhiệm kiêm Thư ký Đề tài.

### **CHỦ NHIỆM CÁC ĐỀ TÀI NHÁNH :**

- PGS, PTS Tô Xuân Dân, chủ nhiệm Bộ môn kinh tế đối ngoại, Đại học KTQD Hà Nội, Chủ nhiệm Đề tài nhánh KX.03.12.01
- PGS, PTS Bùi Xuân Lưu, Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại thương, Chủ nhiệm Đề tài nhánh KX.03.12.02.
- PTS Lưu Bích Hồ, Viện trưởng Viện Kế hoạch dài hạn và PBLLSX, Chủ nhiệm Đề tài nhánh KX.03.12.03.
- PTS Nguyễn Trần Quế, Trưởng phòng, Viện Kinh tế thế giới, Chủ nhiệm Đề tài nhánh KX.03.12.04.
- Đ/c Trần Gia Hiền, Vụ trưởng Vụ Thương nghiệp và Kinh tế đối ngoại, Ban Kinh tế Trung ương, Chủ nhiệm Đề tài nhánh KX.03.12.06
- PGS Nguyễn Anh Lâm, Thiếu tướng, Viện trưởng Viện 70, Tổng cục II, Bộ Quốc phòng, Chủ nhiệm Đề tài nhánh KX.03.12.08.
- Đề tài nhánh KX.03.12.05 và .03.12.07 do Ban chủ nhiệm Đề tài thực hiện.

### **CÁC CỘNG TÁC VIÊN CHÍNH CỦA ĐỀ TÀI KX.03.12 :**

- Đ/c Võ Đông Giang, Nguyên Bộ trưởng Chủ nhiệm Ủy ban Quan hệ kinh tế đối ngoại.
- Đ/c Vũ Quang Tuyến, Phó trưởng Ban Kinh tế Trung ương .
- PGS Dương Thông, Trung tướng, Bộ Nội vụ.

Và nhiều đồng chí cộng tác viên trực tiếp tham gia nghiên cứu ở các đề tài nhánh .

# CHƯƠNG I

## MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN TÁC ĐỘNG ĐẾN ĐỔI MỚI, HOÀN THIỆN CÁC CHÍNH SÁCH VÀ CƠ CHẾ QUẢN LÝ KINH TẾ ĐỐI NGOẠI

### I. QUỐC TẾ HOÁ ĐỜI SỐNG KINH TẾ - MỘT XU THẾ KHÁCH QUAN CỦA THỜI ĐẠI, MỘT VẤN ĐỀ CÓ TÍNH QUI LUẬT.

1. Quan điểm chung của nhiều học giả thế giới, xét dưới góc độ lực lượng sản xuất, thời đại ngày nay mang dấu ấn sâu sắc của cuộc cách mạng khoa học - công nghệ là thời đại từ nền văn minh công nghiệp chuyển sang nền văn minh hậu công nghiệp, trong đó, trí tuệ có ý nghĩa quyết định.

Trong bối cảnh đó, quốc tế hoá đời sống kinh tế là một xu thế khách quan, một vấn đề mang tính qui luật đối với mọi quốc gia.

2. Quốc tế hoá đời sống kinh tế là một quá trình, xuất hiện kể từ khi các quan hệ kinh tế vượt ra ngoài biên giới các quốc gia.(1)

*Quốc tế hoá đời sống kinh tế gắn liền với sự phát triển các quan hệ kinh tế quốc tế. Các quan hệ này đã phát triển về chiều rộng và chiều sâu, từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp.*

---

(1) Các Mác : "Không còn nghi ngờ gì nữa, các cuộc cách mạng lớn diễn ra trong thương nghiệp ở thế kỷ 16 và 17 gắn liền với sự phát triển về địa lý và dẫn tới sự phát triển nhanh chóng thương nhân là một trong những yếu tố cơ bản thúc đẩy phương thức phong kiến chuyển mau sang phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa".

(Tư bản, quyển 3, tập 3, tr.482 - Hà Nội NXB Sự thật).



*Quan hệ mậu dịch quốc tế* xuất hiện sớm nhất, đã phát triển nhanh chóng và đã có qui mô toàn cầu.

Từ lĩnh vực lưu thông, quan hệ kinh tế chuyển sang các lĩnh vực :

a) *Sản xuất quốc tế*, trong đó, xuất khẩu tư bản, xuất khẩu công nghệ, lao động, đầu tư trực tiếp là những hình thức phổ biến ;

b) *Tài chính - tín dụng quốc tế*;

c) *Các dịch vụ quốc tế* (giao thông vận tải, thông tin liên lạc v.v...).

3. Quốc tế hoá đời sống kinh tế *do sự phát triển lực lượng sản xuất và sự phân công lao động quốc tế quyết định* là quá trình tập trung sản xuất một số sản phẩm hoặc cung ứng một số dịch vụ nào đó vào một hoặc nhiều quốc gia nhất định trên cơ sở những lợi thế của mình. Tham gia sự phân công lao động quốc tế không những đáp ứng nhu cầu của quốc gia mình, mà còn đáp ứng cả nhu cầu của các quốc gia khác, thông qua sự trao đổi quốc tế.

Trong thời kỳ đầu, sự phân công lao động quốc tế bắt nguồn từ sự khác biệt về *điều kiện tự nhiên* giữa các quốc gia (đất đai, tài nguyên thiên nhiên, khoáng sản, khí hậu...). Đó là *tiền đề tự nhiên* của sự phân công lao động quốc tế và là *cơ sở* của sự trao đổi hàng hoá giữa các quốc gia trong thời kỳ sơ khai. Các nước cung cấp cho nhau, trao đổi với nhau những nguyên liệu, những sản phẩm đặc thù *do các lợi thế tự nhiên mang lại*.

Trong quá trình phát triển lực lượng sản xuất, giữa các quốc gia xuất hiện những khác biệt về *trình độ kỹ thuật* và công nghệ, nảy sinh sự chênh lệch về năng suất lao động, chất lượng và giá thành sản phẩm.

Trong bối cảnh đó, một sự phân công lao động quốc tế mới ở trình độ cao hơn lại được hình thành. Mỗi nước, mỗi nền kinh tế quốc gia *phát huy những lợi thế* mới đó để sản xuất những *hàng hoá* hoặc tạo ra những *dịch vụ*, có chất lượng cao hơn với giá thành hạ nhằm trao đổi với những *hàng hoá* và *dịch vụ* không tự sản xuất ra được, hoặc nếu như phải sản xuất thì giá thành sẽ cao hơn hoặc chất lượng sẽ kém hơn.

4. Yếu tố quan trọng tác động đến sự phân công lao động quốc tế là *cuộc cách mạng khoa học - công nghệ*, động lực thúc đẩy quốc tế hoá đời sống kinh tế thế giới.

Sự phân công lao động trong nội bộ ngành trở thành *cơ sở chủ yếu* của sự phân công lao động quốc tế.

Cách mạng khoa học - công nghệ thúc đẩy sức sản xuất tăng nhanh, làm cho hàng hoá vượt nhanh ra khỏi biên giới quốc gia. Sản xuất ngày càng được xã hội hoá cao trên phạm vi thế giới.

5. Phân công lao động quốc tế tất yếu dẫn đến sự *chuyên môn hoá, hợp tác hoá quốc tế*. Trạng thái vừa hợp tác, vừa cạnh tranh, hai mặt đối lập của một thể thống nhất, xuất hiện. Giữa các nước, hình thành sự tuỳ thuộc lẫn nhau, với mức độ khác nhau.

Phân công lao động quốc tế càng mở rộng thì chuyên môn hoá, hợp tác quốc tế càng sâu sắc, mậu dịch quốc tế càng có điều kiện phát triển nhanh.

Do đó, sự *tuy thuộc* giữa các nền kinh tế quốc gia, là một *tất yếu khách quan* và là hệ quả của sự phát triển lực lượng sản xuất, phân công lao động quốc tế, gắn với sự phát triển của cuộc cách mạng khoa học - công nghệ (chủ yếu từ thế kỷ thứ 17, khi chủ nghĩa tư bản ra đời). Tuy nhiên, sự tuỳ thuộc lẫn nhau *không đồng nghĩa với lệ thuộc một chiều*. Nó không mâu thuẫn, không đối lập với độc lập và chủ quyền quốc gia, đặc biệt là với quyền các dân tộc được lựa chọn con đường phát triển riêng của mình. Trái lại, nó phải gắn với độc lập chủ quyền trong một thể thống nhất. Mức độ và tính chất của sự tuỳ thuộc hoàn toàn do trình độ phát triển kinh tế, phát triển khoa học - công nghệ và đường lối chính sách của các nước hữu quan quyết định.

Bản thân sự tham gia phân công lao động quốc tế, tham gia chuyên môn hoá và hợp tác quốc tế đã là sự phủ định *quan điểm tự cấp tự túc* và chính sách khép kín đóng cửa, là sự phủ định phương châm "tự lực cánh sinh" (hiểu theo nghĩa gần như hoàn toàn tự mình cân đối về tài chính, kỹ thuật, lao động, thị trường),